TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG Bản án số: 218/2026/HNGĐ-ST Ngày: 23-07-2026 "*V/v ly hôn*"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trí Thiện

2. Ông Trần Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 23 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08/04/2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/06/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 266/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 01/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1981 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A(*ấp B cũ*), xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Chị **Đỗ Thị Mỹ D**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A(*ấp B cũ*), xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào năm 2002 do quen biết nên anh và chị Đỗ Thị Mỹ D có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/05/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Vĩnh Long*).

Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng kéo dài đến đầu năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong

cuộc sống. Hơn nữa, khi về chung sống vợ chồng cảm thấy không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng gây gắt hơn, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ D.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh năm 2003, Đỗ Khánh B, sinh năm 2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/04/2026, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ D. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh năm 2003, Đỗ Khánh B, sinh năm 2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn*"; bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ D cư trú tại ấp A(*ấp B cũ*), xã B, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị D có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Tam Bình,

tỉnh Vĩnh Long (*Nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Vĩnh Long*), ngày 06/05/2003, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Nguyễn Thanh T trình bày: Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng kéo dài đến đầu năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống. Hơn nữa, khi về chung sống vợ chồng cảm thấy không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng gây gắt hơn, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ D.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng anh T, chị D đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Anh Nguyễn Thanh T khai có con chung với chị Đỗ Thị Mỹ D là Nguyễn Thanh H, sinh năm 2003, Đỗ Khánh B, sinh năm 2007 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Thanh T khai chưa yêu cầu, chị Đỗ Thị Mỹ D cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ D.

[2]. *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh năm 2003, Đỗ Khánh B, sinh năm 2007 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006455 ngày 08/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long*;
- *UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo